

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2026/DS-ST

Ngày 06/02/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tinh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tân

2. Ông Trần Văn Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đàm Lê Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2025/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-KDTM ngày 15/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-KDTM ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V); (tên cũ là Ngân hàng TMCP X);

Địa chỉ trụ sở: Tầng 16, 23, 24, toà nhà M, số 229 Đường S, phường K, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Mạnh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Lê Thị Thanh Y - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Q.

Bà Y uỷ quyền lại cho:

- Ông Lê Quang K – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Tầng lửng Toà nhà D, số 4 Đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP V.

- Bà Lê Thị Như N – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 5, Đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn:

Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G. (gọi tắt là Công ty G)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hùng C – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: số 2 phố L, phường V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H- Nhân viên Công ty G.

Địa chỉ: Tầng M Toà nhà D, số 4 Đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy U, sinh năm 1990 và bà Phạm Thị A, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 và bà Trần Thị G, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp S, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ông Lê Quang K trình bày như sau:

Ngày 30/8/2022, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U có ký hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT với Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng TMCP V) để vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 300 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Bù đắp mua đất; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên V đã giải ngân cho bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KUNN-CN/VVT ngày 31/8/2022.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ phát sinh/có liên quan đến hợp đồng tín dụng trên bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 510.21395/2022/BĐ công chứng ngày 30/8/2022 tại Văn phòng công chứng Đ, số công chứng 3031 quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 31/08/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số: 124 tờ bản đồ số 121, địa chỉ tại: Xã L, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422, số vào sổ cấp GCN: CS 13163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2022, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Duy U ngày 22/07/2022.

Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đã, đang hoặc sẽ hình thành, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, tài sản mới, tài sản tăng thêm, phần giá trị tăng thêm do đầu tư xây dựng gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, Toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ các tài sản quy định tại khoản 1, 2 điều này (bao gồm nhưng không giới hạn bởi hoa lợi, lợi tức, quyền nhận tiền bảo hiểm, quyền nhận tiền đền bù, tiền bồi thường, các khoản tiền khác thu được, tài sản khác hình thành, thu được từ việc khai thác, sử dụng, thu hoạch, phá dỡ, các tài sản khác thuộc sở hữu của Bên thế chấp liên quan đến các tài sản nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2,3 Điều 2 Hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V đã nhiều lần yêu cầu bà A, ông U trả nợ nhưng đến nay bà A, ông U vẫn chưa trả được nợ. V đã thông báo chấm dứt cho vay và yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn. Nhưng đến nay bà A, ông U vẫn không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện, V yêu cầu bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải thanh toán cho V toàn bộ số nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 30/8/2022 và Khế ước nhận nợ đã ký với V tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 2.976.926.404 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.760.023.438 đồng, nợ lãi là 216.902.966 đồng. Tổng số nợ này chưa bao gồm tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18/02/2025 cho đến ngày khoản vay được trả nợ toàn bộ. Thời hạn trả nợ là ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 15/4/2025 cho đến khi bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U trả hết toàn bộ khoản nợ tại V theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số nợ nêu trên cho V thì đề nghị Tòa án tuyên cho phép V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản gồm có: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 124 tờ bản đồ số 121 tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422. Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đã, đang hoặc sẽ hình thành, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, tài sản mới, tài sản tăng thêm, phần giá trị tăng thêm do đầu tư xây dựng gắn liền với diện tích nhà, đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ các tài sản quy định tại khoản 1,2 điều này (bao gồm nhưng không giới hạn bởi hoa lợi, lợi tức, quyền nhận tiền bảo hiểm, quyền nhận tiền đền bù, tiền bồi thường, các khoản tiền khác thu được, tài sản khác hình thành, thu được từ việc khai thác, sử dụng, thu hoạch, phá dỡ, các tài sản khác thuộc sở hữu của Bên thế chấp liên quan đến các tài sản nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2,3 Điều 2 Hợp đồng thế chấp.

Ngày 30/12/2025, Ngân hàng TMCP V bán một phần khoản nợ của khách hàng bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U cho Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G theo Hợp đồng mua bán nợ số 04/2025/HĐMBN.PGBVT. Theo đó: Khoản nợ mua bán được xác định bằng 98% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn (ngoại trừ nợ lãi dự thu trên phần gốc trong hạn kể từ kỳ thu lãi gần nhất đến ngày chuyển giao Quyền sở hữu các khoản nợ mua bán), nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa V và bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U.

Phần giá trị còn lại tương ứng 2% (hai phần trăm) của nợ gốc, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có); và toàn bộ nợ lãi còn lại phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng vẫn thuộc sở hữu của V và không được chuyển giao cho G.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022 cùng khế ước nhận nợ đã ký với V. Tạm tính đến ngày 06/02/2026, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U còn nợ V đối với phần giá trị còn lại tương ứng 2% sau với tổng số tiền là 65.629.824 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 55.200.469 đồng; Nợ lãi là: 10.429.355 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 07/02/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên cho V thì đề nghị Tòa án tuyên cho phép V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 510.21359/2022/BĐ ngày 30/08/2022 (gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất nêu trên) để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho V thì bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về án phí, chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U chịu.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ông Lê Quang K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ngày 30/8/2022, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U đã ký và thực hiện Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Q với nội dung chính như sau: Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 300 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay bù đắp mua đất; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ/có liên quan đến hợp đồng tín dụng trên bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U đã ký hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất số 510.21359/2022/BĐ công chứng ngày 30/08/2022 tại Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số công chứng 3031 quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai S, Thành phố Hồ Chí Minh), chứng nhận ngày 31/8/2022. Theo đó, tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V gồm có: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 121, địa chỉ tại: xã L, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422, số vào sổ cấp GCN: CS 13163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2022, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Duy U ngày 22/7/2022. Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đã, đang hoặc sẽ hình thành, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, tài sản mới, tài sản tăng thêm, phần giá trị tăng thêm do đầu tư xây dựng gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, Toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ các tài sản quy định tại khoản 1, 2 điều này (bao gồm nhưng không giới hạn bởi hoa lợi, lợi tức, quyền nhận tiền bảo hiểm, quyền nhận tiền đền bù, tiền bồi thường, các khoản tiền khác thu được, tài sản khác hình thành, thu được từ việc khai thác, sử dụng, thu hoạch, phá dỡ, các tài sản khác thuộc sở hữu của Bên thế chấp liên quan đến các tài sản nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2,3 Điều 2 Hợp đồng thế chấp.

Căn cứ Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 và Thông tư 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 sửa đổi bổ sung Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015. Ngày 30/12/2025, Công ty G đã mua một phần khoản nợ của bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng mua bán nợ số 04/2025/HĐMBN.PGBVT. Theo đó: Khoản nợ mua bán được xác định bằng 98% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn (ngoại trừ nợ lãi dự thu trên phần gốc trong hạn kể từ kỳ thu lãi gần nhất đến ngày chuyển giao Quyền sở hữu các khoản nợ mua bán), nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa V và bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U.

Hợp đồng Mua bán nợ được ký kết đúng theo quy định pháp luật.

Nay, Công ty G yêu cầu Tòa án xác định Công ty G là người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn V.

Buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với phần giá trị khoản nợ tương ứng 98% của Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022 cùng các khế ước nhận nợ đã ký với V. Tạm tính đến ngày 06/02/2026, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U còn nợ Công ty G với tổng số tiền là 3.215.861.417 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 2.704.822.969 đồng; Nợ lãi là: 511.038.448 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát

sinh kể từ ngày 07/02/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên cho Công ty G thì đề nghị Tòa án tuyên cho phép Công ty G được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 510.21359/2022/BĐ ngày 30/8/2022 (gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất nêu trên) để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Công ty G thì ông Nguyễn Duy U, bà Phạm Thị A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty G cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2025 đã được Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thì Công ty G thống nhất, không đề nghị xem xét, thẩm định lại.

Đối với số tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng khác mà phía nguyên đơn (V) đã nộp thì Công ty G đề nghị ông Nguyễn Duy U, bà Phạm Thị A có trách nhiệm nộp và hoàn trả lại các khoản chi phí mà nguyên đơn (V) đã nộp tạm ứng theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U trình bày:

Bị đơn công nhận có ký hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 30/8/2022 với Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng TMCP V) để vay tổng số tiền là 3.000.000.000đồng. Dư nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 15/11/2025 là 3.207.337.347đồng. Nay ông bà xin thêm thời gian để tự bán tài sản trả nợ cho Ngân hàng.

Khi vay nợ vợ chồng ông bà có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 121, địa chỉ xã N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422, số vào sổ cấp GCN: CS 13163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2022, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Duy U ngày 22/7/2022. Hiện nay ông bà đang cố gắng rao bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng nên ông bà xin thêm thời gian 03 tháng để bán tài sản trả nợ. Do đó, khi có bản án có hiệu lực của Tòa án ông bà xin Ngân hàng chưa làm đơn yêu cầu thi hành án mà để ông bà chủ động bán tài sản trả nợ cho Ngân hàng. Hết thời hạn nêu trên mà ông bà không trả được nợ thì ông bà đồng ý để Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Về án phí, chi phí tố tụng: Ông bà đồng ý chịu theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị G vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải trả cho V số tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu 2% đối với khoản nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên là 65.629.824 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 55.200.469 đồng; Nợ lãi là: 10.429.355 đồng. Trả cho Công ty G số tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu 98% đối với khoản nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên là 3.215.861.417; Trong đó: Nợ gốc là: 2.704.822.969 đồng; Nợ lãi là: 511.038.448 đồng. Bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 07/02/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong, tiền lãi phải trả cho Công ty G và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu khoản nợ của Công ty G và V.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên cho Công ty G và V thì Công ty G và V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 510.21359/2022/BĐ ngày 30/8/2022 (gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất nêu trên) để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Công ty G và V thì ông Nguyễn Duy U, bà Phạm Thị A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty G và V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đối với bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”, bị đơn vay tiền của nguyên đơn mục đích để bù đắp mua đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 867915 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 05/12/2017, do đó tại thời điểm thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là kinh doanh thương mại. Tuy nhiên quá trình tố tụng xét bị đơn vay tiền với tư cách cá nhân, không xác định được mục đích lợi nhuận; do đó hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là loại tranh chấp về quan hệ dân sự; bị đơn có địa chỉ tại: Thôn P, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang K; đại diện theo ủy quyền của người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H; bị đơn bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 30/8/2022 và Khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KU'NN-CN/VVT ngày 31/8/2022 đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về xác lập hợp đồng:

Ngày 30/8/2022, Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng TMCP V) và bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U ký Hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT cho bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U vay số tiền 3.000.000.000 đồng; Để thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U 3.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 510.21395/2022/KU'NN-CN/VVT ngày 31/8/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V đã nhiều lần yêu cầu bà A, ông U trả nợ nhưng đến nay bà A, ông U vẫn chưa trả được nợ. V đã thông báo chấm dứt cho vay và yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn. Nhưng đến nay bà A, ông U vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 06/02/2026, dư nợ gốc, lãi của hợp đồng là: 3.281.491.241 đồng; trong đó: nợ gốc là 2.760.023.438 đồng; lãi trong hạn: 466.698.164 đồng; lãi quá hạn là 20.592.572 đồng; lãi chậm trả: 34.177.067 đồng.

Như vậy, Hợp đồng được các bên ký kết (bao gồm cả các hợp đồng chính và các phụ lục, văn bản kèm theo) có nội dung, hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên có giá trị pháp lý đối với các bên theo quy định của Điều 117 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Ngày 30/12/2025, giữa V và Công ty G ký kết hợp đồng mua bán nợ số 04/2025/HĐMBN.PGBVT bán cho Công ty G các khoản nợ, trong đó có khoản nợ của bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U theo tỷ lệ: Công ty G sở hữu 98% đối với khoản nợ; V sở hữu 2% còn lại đối với khoản nợ. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 “1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ.”. Do đó, V và Công ty G yêu cầu bà A, ông U phải thanh toán số tiền nợ tương ứng với tỷ lệ sở hữu đối với khoản nợ của từng bên là có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử xác định bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải thanh toán cho V số tiền nợ đối với hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022 cùng khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KUNN-CN/VVT ngày 31/8/2022 tính đến ngày 06/02/2026 là: 65.629.824 đồng (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc là 55.200.469 đồng (năm mươi lăm triệu, hai trăm nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn là 9.333.963 đồng (chín triệu, ba năm ba mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 411.851 đồng (bốn trăm mười một nghìn, tám trăm năm mươi một đồng), lãi chậm trả là 683.541 đồng (sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).

[7] Bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải thanh toán cho Công ty G số tiền nợ đối với hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022 cùng khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KUNN-CN/VVT ngày 31/8/2022 tính đến ngày 06/02/2026 là: 3.215.861.417 đồng (ba tỷ, hai trăm mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm mười bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 2.704.822.969 đồng (hai tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, tám trăm hai

mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn là 457.364.201đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn là 20.180.721đồng (hai mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng), lãi chậm trả lãi là 33.493.526đồng (ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng).

[8] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Nguyễn Duy U đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 510.21395/2022/BĐ công chứng ngày 30/8/2022 tại Văn phòng công chứng Đ, số công chứng 3031 quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai S-Thành phố Hồ Chí Minh), chứng nhận ngày 31/8/2022 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 121, địa chỉ tại: xã L, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422, số vào sổ cấp GCN: CS13163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2022, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Duy U ngày 22/7/2022.

Xét hợp đồng thế chấp là sự tự nguyện của các bên, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng, có thẩm định khi thế chấp và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định tại Điều 293, 298, 317 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 5.000.000đ. Số tiền chi phí này bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải chịu, tuy nhiên Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng. Do vậy, buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 5.000.000đ này cho Ngân hàng TMCP V.

[10] Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M-Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 293, 298, 299, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G đối với bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/02/2026 là: 3.281.491.241 đồng (ba tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng).

Cụ thể: Bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải thanh toán nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V 65.629.824 đồng** (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng); trong đó: nợ gốc là 55.200.469 đồng (năm mươi lăm triệu, hai trăm nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn là 9.333.963 đồng (chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 411.851 đồng (bốn trăm mười một nghìn, tám trăm năm mươi một đồng), lãi chậm trả lãi là 683.541 đồng (sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng) và phải thanh toán nợ cho **Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G** số tiền tính đến ngày 06/02/2026 là: **3.215.861.417 đồng** (ba tỷ, hai trăm mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm mười bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 2.704.822.969 đồng (hai tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn là 457.364.201 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn là 20.180.721 đồng (hai mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng), lãi chậm trả lãi là 33.493.526 đồng (ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng) của hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022 cùng khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KUNN-CN/VVT ngày 31/8/2022.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 07/02/2026) cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G, bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải tiếp tục trả lãi cho

Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 510.21359/2022/HĐTD-CN/VVT ngày 31/8/2022, khế ước nhận nợ số: 510.21395/2022/KUNN-CN/VVT ngày 31/8/2022 mà các bên đã ký kết. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G tương ứng với tỷ lệ mà Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G đang sở hữu đối với khoản nợ là 98%; lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển tương ứng với tỷ lệ mà Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển đang sở hữu đối với khoản nợ là 2%.

Trường hợp bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U không trả được số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 121, địa chỉ tại: xã L, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 423422, số vào sổ cấp GCN: CS 13163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2022, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Duy U ngày 22/7/2022. Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đã, đang hoặc sẽ hình thành, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, tài sản mới, tài sản tăng thêm, phần giá trị tăng thêm do đầu tư xây dựng gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ các tài sản quy định tại khoản 1, 2 điều này (bao gồm nhưng không giới hạn bởi hoa lợi, lợi tức, quyền nhận tiền bảo hiểm, quyền nhận tiền đền bù, tiền bồi thường, các khoản tiền khác thu được, tài sản khác hình thành, thu được từ việc khai thác, sử dụng, thu hoạch, phá dỡ, các tài sản khác thuộc sở hữu của Bên thế chấp liên quan đến các tài sản nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2,3 Điều 2 Hợp đồng thế chấp). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 510.21395/2022/BĐ công chứng ngày 30/8/2022 tại Văn phòng công chứng Đ, số công chứng 3031 quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai S-Thành phố Hồ Chí Minh) chứng nhận ngày 31/8/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Phát Triển và Công ty CP mua bán nợ và khai thác tài sản G.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán các khoản nợ thì bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Số tiền chi phí này bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải chịu, tuy nhiên Ngân hàng TMCP V đã

nộp tạm ứng. Do vậy, buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) này cho Ngân hàng TMCP V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Duy U phải nộp 97.629.825đồng (chín mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 45.770.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007017 ngày 01-8-2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực M-TP.HCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực M-TP.HCM
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thị Tình

